

(Mẫu số 02/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC
ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính)

SỞ GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT VÕ THỊ SÁU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 24/QĐ-VTS

Tp..HCM, ngày 11 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu chi ngân sách năm 2024
của Trường THPT Võ Thị Sáu

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Phòng kế toán Trường THPT Võ Thị Sáu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện quyết toán thu chi ngân sách năm 2024 của Trường THPT Võ Thị Sáu (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ quản lý, bộ phận kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, KT, CBQL.

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Hoàng Quân

Đơn vị: **TRƯỜNG THPT VÕ THỊ SÁU**

Chương: **494**

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VTS ngày 11/3/2025 của trường THPT Võ Thị Sáu)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	17.675.607.926	17.675.607.926	-	
1	Học phí công lập	6.277.214.042	6.277.214.042	-	
2	Tiền tổ chức hoạt động Buổi 2	5.493.567.245	5.493.567.245	-	
3	Tiền tổ chức, quản lý, phục vụ, vệ sinh bán trú	2.288.187.245	2.288.187.245	-	
4	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng bán trú	213.658.163	213.658.163	-	
5	Tiền tổ chức học tăng cường tiếng anh	90.204.082	90.204.082	-	
6	Tiền tổ chức tiếng anh với người nước ngoài	2.895.272.449	2.895.272.449	-	
7	Tiền tổ chức học tin học theo đề án	333.351.817			
8	Tiền tổ chức CLB tiếng Trung, tiếng Nhật	84.152.883	84.152.883	-	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	15.979.622.182	15.979.622.182	-	
1	Chi sự nghiệp		-	-	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	15.979.622.182	15.979.622.182	-	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Chênh lệch thu chi	1.695.985.744	1.695.985.744		
a	Thu nhập tăng thêm	397.591.446	397.591.446		
b	Trích lập nguồn cải cách tiền lương	678.394.298	678.394.298		
c	Trích lập các quỹ	620.000.000	620.000.000		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí	386.322.914	386.322.914		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	45.865.590.115	45.865.590.115	-	
I	Nguồn ngân sách trong nước	45.865.590.115	45.865.590.115	-	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	45.865.590.115	45.865.590.115	-	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	21.561.261.285	21.561.261.285	-	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn CCTL)		-	-	
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.746.553.062	6.746.553.062		
3.4	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nguồn CCTL)	16.835.775.768	16.835.775.768		
3.5	Kinh phí khen thưởng	722.000.000	722.000.000		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Người lập biểu



Trần Thị Trúc Hương



Ngày 11 tháng 3 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Hoàng Quân